TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2021/DS-PT Ngày: 15/12/2021 V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xửphúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" do có kháng cáo đối với bản án số 10/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972

Nơi ĐKHKTT: Khu T 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

***Nguyên đơn - Anh Nguyễn Mạnh H trình bày*:**Anh và chị Nguyễn Thị T có quen biết nhau do chị T làm việc tại Văn phòng Công ty Bảo hiểm nhân thọ C L Thái Bình (hiện chị T đã nghỉ việc). Ngày 21/9/2018, chị T có vay anh số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, hẹn đến ngày 21/10/2018 sẽ hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi. Đến hẹn trả nợ thì anh không liên lạc được với chị T. Sau đó 01 tháng thì chị T liên lạc với anh nói chị T đang ở trên tỉnh H(chị T không cho biết địa chỉ cụ thể) và xin khất nợ anh. Ngày 21/12/2018 chị T gặp anh trình bày nhà đang gặp khó khăn, con ốm nên hỏi vay tiếp anh số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, hẹn đến ngày 21/01/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi. Cả hai lần vay tiền anh thì chị T đều viết giấy vay tiền. Tuy nhiên cho đến nay, chị T không hoàn trả đầy đủ số tiền gốc và khoản tiền lãi suất đã vay anh. Vì vậy,

anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả anh tổng số nợ gốc là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và khoản tiền lãi suất 20%/năm của hai khoản vay tính từ thời điểm vay cho đến khi chị T trả anh xong khoản nợ.

Bản án số 10/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh H về việc yêu cầu bị đơn là chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2021) là 68.350.000 (Sáu mươi tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 3.417.000 đồng (Ba triệu bốn trăm mười bẩy nghìn đồng- đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối trừ số tiền 1.603.000 đồng (Một triệu sáu trăm linh ba nghìn đồng) anh Nguyễn Mạnh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006290 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh Nguyễn Mạnh H còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.814.000 đồng (Một triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng)

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Ngày 05/7/2021, anh Nguyễn Mạnh H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn để có cơ sở tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ theo hai giấy vay tiền số tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản gốc và lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh H gửi trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là kháng cáo hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Chị T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của chị T, căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy:

[2.1] Quá trình xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T không có mặt tại địa phương hơn 01 năm nay, không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án đã giải thích pháp luật đối với anh H về việc phải tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị T trong hai giấy vay tiền nhưng anh H không đề nghị tiến hành giám định chữ viết. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy không có căn cứ xác định chính xác chữ viết và chữ ký trong hai giấy vay tiền có phải của chị T hay không nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hùng là đúng quy định pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, anh Nguyễn Mạnh H có đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký của chị T tại hai giấy vay tiền đề ngày 21/9/2018 và ngày 21/12/2018 đồng thời đề nghị Tòa án thu thập chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị T tại Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà thời điểm chị T đang làm thủ tục ly hôn với anh Vũ Văn V.

Tại kết luận giám định số 97/KLGĐTL-KTHS ngày 14/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: "Chữ ký, chữ viết "T, Ng Thị T, Nguyễn Thị T" dưới mục "Người vay tiền, Người vay Tiền" trên 02 (hai) Giấy vay tiền đề ngày 21/9/2018 và 21/12/2018 (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M5 (dưới mục "BÊN NHẬN", "BÊN GIAO") và M3, M4 do cùng một người ký, viết ra." Như vậy, chị T là người ký tên dưới mục Người vay tiền của hai giấy vay tiền trên.

[2.2] Xét tính hợp pháp của hai giấy vay tiền đề ngày 21/9/2018 và ngày 21/12/2018:

Ngày 21/9/2018, chị Nguyễn Thị T vay của anh Nguyễn Mạnh H số tiền là 15 triệu đồng, hạn trả là ngày 21/10/2018, lãi suất là 20%/năm. Ngày 21/12/2018, chị Nguyễn Thị T vay của anh Nguyễn Mạnh H số tiền là 30 triệu đồng, hạn trả là ngày 21/01/2019, lãi suất là 20%/năm. Khi ký kết hợp đồng, người cho vay và người vay đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; nội dung của hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện trong việc giao kết, xác lập hợp đồng, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Anh H đã giao tiền cho chị T, đến hết ngày 21/01/2019, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh H như vậy, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh H khởi kiện yêu cầu chị T phải trả anh số nợ gốc của hai khoản vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất 20%/năm của hai

khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2021): Khoản vay ngày 21/9/2018: 15.000.000 đồng; Khoản vay ngày 21/12/2018: 30.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 68.349.999 đồng - làm tròn số là 68.350.000 đồng. Tại đơn kháng cáo của anh Hùng kháng cáo buộc chị T phải trả tiền gốc, chịu lãi suất thỏa thuận và giải quyết lãi suất theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy tại giấy vay tiền đề ngày 21/9/2018 và ngày 21/12/2018, chị Tvà anh H thỏa thuận lãi suất vay là 20%/năm. Quá trình tố tụng chị T không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn - chị T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của anh H do anh H không yêu cầu giám định chữ ký của chị T, đến giai đoạn phúc thẩm có căn cứ xác định chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định hợp đồng vay đã thỏa thuận lãi suất và lãi suất này phù hợp với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó buộc chị T phải trả tiền gốc và còn phải trả tiền lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi suất chậm trả theo quy định tại các điều 357, 466,468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 01/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, các khoản lãi suất trong thỏa thuận hợp đồng đối với khoản vay trên của chị Thái tính đến ngày trả nợ đối khoản nợ 15.000.000đồng và 30.000.000đồng lần lượt là 250.000đồng; 1.500.000đồng. Lãi suất quá hạn (150%) tính từ thời điểm trả nợ đến ngày xét xử phúc thẩm là 2 năm 10 tháng 24 ngày khoản 30.000.000đồng và 3 năm 1 tháng 24 ngày đối với khoản 15.000.000đồng lần lượt là 25.995.600đồng;14.118.300đồng. Lãi suất chậm trả (0,83%) đối với lãi suất chậm trả hai khoản lãi trên là 7.941.800đồng; 4.431.500đồng.

Buộc chị T phải trả cho anh H tổng cộng nợ gốc và lãi là 99.235.000đồng, trong đó tiền nợ gốc là 45.000.000đồng, tiền lãi quá hạn là 41.863.000đồng, tiền lãi phạt chậm trả 12.372.000đồng.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX nhận thấy: Anh Nguyễn Mạnh H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm tuyên bố chị T phải có nghĩa vụ trả cho anh H nợ gốc và lãi là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 150, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271,

điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 280, điều 429, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H. Buộc chị Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Mạnh H tổng cộng nợ gốc và lãi là 99.235.000đồng (chín mươi chín triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 45.000.000đồng, tiền lãi quá hạn là 41.863.000đồng, tiền lãi phạt chậm trả 12.372.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền chi phí giám định là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 4.961.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Mạnh H 1.603.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu 0006290 ngày 05/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trả lại Nguyễn Mạnh H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu 0003349 ngày 19/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THAH. Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Các Thẩm phán

Lương Hải Yến **Vũ Duy Luân** **Nguyễn Thị Kim Hằng**